

CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN D&C TOÀN CẦU
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN D&C TOÀN CẦU

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: D&C GLOBAL GROUP COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110629778

3. Ngày thành lập: 23/02/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 27 BT5 khu đô thị Văn Phú, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0855468585

Fax:

Email: d&c6688@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm chức năng	4632
2.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh	4649
3.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

4.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Mua Bán trang thiết bị y tế loại A, B, C Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	4659
5.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; loại trừ hoạt động đấu giá	8299
6.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
7.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
8.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810(Chính)
9.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (trừ tư vấn pháp luật bất động sản) Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản; Dịch vụ tư vấn bất động sản Dịch vụ quản lý bất động sản Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản	6820
10.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ thực phẩm chức năng	4722
11.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
12.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
13.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng	1079
14.	Sản xuất sợi	1311
15.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
16.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
17.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
18.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
19.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
20.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
21.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399

22.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
23.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
24.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
25.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
26.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
27.	Sản xuất giày, dép	1520
28.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
29.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
30.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
31.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
32.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
33.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
34.	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
35.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
36.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
37.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
38.	Sản xuất thuỷ tinh và sản phẩm từ thuỷ tinh	2310
39.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
40.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
41.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
42.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
43.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
44.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
45.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu (trừ nhà nước cấm)	2399
46.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
47.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (trừ vàng miếng)	2420
48.	Đúc sắt, thép	2431
49.	Đúc kim loại màu (Loại trừ hoạt động sản xuất vàng)	2432
50.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
51.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
52.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
53.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
54.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
55.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630

56.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
57.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
58.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
59.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
60.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
61.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
62.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
63.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
64.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
65.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
66.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
67.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
68.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
69.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
70.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
71.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
72.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
73.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
74.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
75.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
76.	Sản xuất máy luyện kim	2823
77.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
78.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
79.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
80.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
81.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
82.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh bất động sản)	5210
83.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
84.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
85.	Sản xuất nhạc cụ	3220
86.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao (Trừ cung, nỏ)	3230
87.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
88.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng Chi tiết: Sản xuất trang thiết bị y tế loại A, B, C	3250

89.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
90.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
91.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
92.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
93.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
94.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
95.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
96.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
97.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
98.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
99.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
100.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
101.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ loại nhà nước cấm)	4764
102.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
103.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Cơ sở bán lẻ thuốc, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền	4772

6. **Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

7. **Danh sách thành viên góp vốn:**

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	ĐỖ HỒNG QUANG	Việt Nam	Số nhà 36 phố Bắc Sơn, Thị Trấn Chúc Sơn, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	300.000.000	30,000	001054000414	

